

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH
(Đến hết 31/12/2025)

(Kèm theo Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05/01/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

DVT: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư		Thời gian thực hiện dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị phê duyệt quyết toán	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu					Thời gian chậm lập báo cáo QT so với quy định (tháng)	Thời gian chậm thẩm tra quyết toán so với quy định (tháng)	Thời gian chậm phê duyệt QT so với quy định (tháng)	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết toán
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương	Khởi công (Tháng/năm)	Hoàn thành (Tháng/năm)			Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó:							
															Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán			0,533	0,533			0,529	0,529	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Nâng cấp, sửa chữa Đường ĐX 05, thôn Tang Tong	UBND xã Sơn Liên	C	0,138	0,138	11/2024	12/2024	0,137	0,137										0	0		
2	Nâng cấp, sửa chữa đường ngoại vùng khu TĐC Nước Vương, thôn Nước Vương	UBND xã Sơn Liên	C	0,395	0,395	11/2024	12/2024	0,392	0,392										0	0		
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán			10,857	7,726			9,444	9,444	7,726	7,726	8,437	8,437	-	-	-	-	-				
1	Nước sinh hoạt KDC Mỏ Góc Nước Min	UBND xã Sơn Mùa	C	3,105	2,700	12/2022	3/2024	2,310	2,310	2,700	2,700	2,310	2,310						8	3		Phòng Kinh tế
2	Đường điện KDC Alu Mỏ Góc	nt	C	2,001	1,740	12/2022	3/2024	1,670	1,670	1,740	1,740	1,670	1,670						8	3		Phòng Kinh tế
3	Đường xóm ông Nhứt ông Đó	nt	C	1,000	0,887	3/2024	6/2024	0,944	0,944	0,887	0,887	0,821	0,821						6	3		Phòng Kinh tế
4	Đường ông Hủy đi Mang Đậu	nt	C	1,000	0,887	3/2024	6/2024	0,956	0,956	0,887	0,887	0,884	0,884						6	3		Phòng Kinh tế
5	Đường vào nghĩa tranh nhân dân	nt	C	0,950	0,816	3/2024	6/2024	0,886	0,886	0,816	0,816	0,755	0,755						6	3		Phòng Kinh tế
6	Đường vào xóm ông Choi tập đoàn 5	nt	C	0,800	0,696	3/2024	6/2024	0,748	0,748	0,696	0,696	0,406	0,406						6	3		Phòng Kinh tế
7	Đường bê tông xi măng Huy Ra Lung- Nước A Rang	nt	C	1,000		3/2024	6/2024	0,962	0,962			0,924	0,924						6	3		Phòng Kinh tế
8	Đường bê tông xi măng Ngọc Răng- Mang Ha Ênh	nt	C	1,000		3/2024	6/2024	0,967	0,967			0,667	0,667						6	3		Phòng Kinh tế
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán			14,844	10,687			14,105	11,505	13,885	13,885	13,184	13,184	-	-	-	-	-				
1	Đường BTXM Tập đoàn 8- Mang Vang (giai đoạn 2)	UBND Sơn Mùa	C	1,10	1,100	10/2024	5/2025	1,038	1,037766	1,10	1,1	1,026	1,026						1			Phòng Kinh tế
2	Nâng cấp đập thủy lợi Nước Min	UBND Sơn Mùa	C	0,80	0,800	10/2024	6/2025	0,751	0,751	0,80	0,800	0,742	0,742						0			Phòng Kinh tế
3	Nâng cấp đập nước Lát	UBND Sơn Mùa	C	1,00	1,000	10/2024	5/2025	0,957	0,957	1,00	1,000	0,947	0,947						1			Phòng Kinh tế
4	Nước sinh hoạt thôn Huy Em	UBND Sơn Mùa	C	1,10	1,100	10/2024	1/2025	1,025	1,025	1,10	1,100	1,015	1,015						4			Phòng Kinh tế
5	Nước sinh hoạt thôn Nước Min	UBND Sơn Mùa	C	1,10	1,100	10/2024	1/2025	1,025	1,025	1,10	1,100	1,014	1,014						4			Phòng Kinh tế
6	Đường điện Huy Ra Lung - A Rang	UBND Sơn Mùa	C	1,146	0,949	10/2024	12/2024	1,077	1,077	1,042	1,042	0,949	0,949						8			Phòng Kinh tế
7	Đường BTXM ông Lên - Ra Nang nổi dài	UBND Sơn Mùa	C	0,767	0,698	8/2024	12/2024	0,746	0,746	0,698	0,698	0,667	0,667						8			Phòng Kinh tế
8	Đường BTXM Huy Ra Lung - Nước A Rang (giai đoạn 2)	UBND Sơn Mùa	C	0,957	0,870	10/2024	4/2025	0,914	0,914	0,870	0,870	0,816	0,816						2			Phòng Kinh tế

[illegible]

Biểu mẫu số 02

**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ HẾT THỜI GIAN THỰC HIỆN NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
(Đến hết ngày 31/12/2025)

Kèm theo Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05/10/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng

[illegible]

Kèm theo Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05/10/2025 của U

[illegible]

Biểu mẫu số 03

PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

UBND xã Sơn Tây Thượng

ĐVT: tỷ đồng

Nhu cầu bố trí vốn				Ghi chú
Trong đó:				
NS trung ương	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	

(Kèm theo báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

Đơn vị: tỷ đồng.

[illegible]

(kèm theo báo cáo số 01/BC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

Đơn vị: tỷ đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại	
				Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương			Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng số (A+B)												
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (A.I + B.I)												
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (A.II + B.II)												
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (A.III + B.III)												
A	Trong thời gian quyết toán theo quy định (I + II + III)												
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán												
(1)	Nâng cấp, sửa chữa Đường DX 05, thôn Tang Tong		11/2024-12/2024										
(2)	Nâng cấp, sửa chữa đường ngoại vùng khu TĐC Nước Vương, thôn Nước Vương		11/2024-12/2024										
2	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
2.1	Chương trình MTQG xây dựng NTM												
2.2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững												
2.3	Chương trình MTQG PTKT-XH vùng DTTS và Miền núi												
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán			10,857	7,726	9,444	-	7,726	7,726	8,437	8,437	-	-
1	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình MTQG Nông thôn mới			8,857	7,726	7,515	-	7,726	7,726	6,846	6,846	-	-
1	Nước sinh hoạt KDC Mỏ Góc Nước Mìn		12/2022-3/2024	3,105	2,700	2,310		2,700	2,700	2,310	2,310		
2	Đường điện KDC Alu Mỏ Góc		12/2022-3/2024	2,001	1,740	1,670		1,740	1,740	1,670	1,670		
3	Đường xóm ông Nhứt ông Dỏ		3/2024-6/2024	1,000	0,887	0,944		0,887	0,887	0,821	0,821		
4	Đường ông Hủy đi Mang Đâu		3/2024-6/2024	1,000	0,887	0,956		0,887	0,887	0,884	0,884		
5	Đường vào nghĩa trang nhân dân		3/2024-6/2024	0,950	0,816	0,886		0,816	0,816	0,755	0,755		
6	Đường vào xóm ông Choi tập đoàn 5		3/2024-6/2024	0,800	0,696	0,748		0,696	0,696	0,406	0,406		
3.2	Chương trình MTQG PTKT-XH vùng DTTS và Miền núi			2,000	-	1,929	-	-	-	1,590	1,590	-	-
1	Đường bê tông xi măng Huy Ra Lung- Nước A Rang		3/2024-6/2024	1,000		0,962				0,924	0,924		
2	Đường bê tông xi măng Ngọc Răng- Mang Ha Ĕnh		3/2024-6/2024	1,000		0,967				0,667	0,667		
3.3													
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia			14,844	10,687	14,105	-	13,885	13,885	13,184	13,184	-	-
3.1	Chương trình MTQG Nông thôn mới			11,02	7,30	10,47	-	10,41	10,41	9,94	9,94	-	-
1	Đường BTXM Tập đoàn 8- Mang Vang (giai đoạn 2)		10/2024-5/2025	1,10	1,100	1,038		1,10	1,1	1,026	1,026		
2	Nâng cấp đập thủy lợi Nước Mìn		10/2024-6/2025	0,80	0,800	0,751		0,80	0,800	0,742	0,742		
3	Nâng cấp đập nước Lát		10/2024-5/2025	1,00	1,000	0,957		1,00	1,000	0,947	0,947		
4	Nước sinh hoạt thôn Huy Em		10/2024-01/2025	1,10	1,100	1,025		1,10	1,100	1,015	1,015		
5	Nước sinh hoạt thôn Nước Mìn		10/2024-01/2025	1,10	1,100	1,025		1,10	1,100	1,014	1,014		
6	Đường GTNTxóm ông Me - Nước Toa giai đoạn 2 (Sơn Bua)		02/2025-04/2025	1,111	1,000	1,110		1,000	1,00	1,000	1,000		
7	Nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã Sơn Bua		10/2024-3/2025	0,571	0,400	0,542		0,400	0,400	0,400	0,400		
8	Đường vào khu Mang Tăng		9/2024-6/2025	1,435		1,420		1,305	1,305	1,305	1,305		
9	Nước sinh hoạt KDC Tu Ka Nhỏ		10/2024-6/2025	1,00		0,9		0,9	0,9	0,9	0,9		
10	Nâng cấp đập thủy lợi Ra Lang 1		10/2024-6/2025	0,80	0,8	0,8		0,8	0,8	0,729	0,729		
11	Nâng cấp đường điện qua KDC Ra Ne, thôn Huy Ra Long		10/2024-6/2025	1,00		0,9		0,9	0,9	0,865	0,865		
	Chương trình MTQG PTKT-XH vùng DTTS và Miền núi			3,827	3,387	3,637	-	3,480	3,480	3,242	3,242		
1	Đường điện Huy Ra Lung - A Rang		10/2024-12/2024	1,146	0,949	1,077		1,042	1,042	0,949	0,949		
2	Đường BTXM ông Lén - Ra Nang nội dài		8/2024-12/2024	0,767	0,698	0,746		0,698	0,698	0,667	0,667		
3	Đường BTXM Huy Ra Lung - Nước A Rang (giai đoạn 2)		10/2024-4/2025	0,957	0,87	0,914		0,870	0,870	0,816	0,816		
4	Đường BTXM Ngọc Răng - Mang Ha Ĕnh (giai đoạn 2)		10/2024/11/2024	0,957	0,87	0,900		0,870	0,870	0,810	0,810		
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													
B	Vi phạm quy định về thời gian quyết toán (I + II + III)												
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													